

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN BUÔN MA THUỘT TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

NGUYỄN ĐÌNH LÊ *

1. Chiến trường miền Nam trước trận Buôn Ma Thuột

Chiến thắng của quân dân hai miền Nam - Bắc trong năm 1972, đặc biệt là trận “Điện Biên Phủ trên không” đã buộc Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn phải kí Hiệp định Paris (1-1973). Một trong những nội dung của Hiệp định là chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Hoa Kỳ phải rút quân về nước. Việc Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến sự, rút quân về nước đã mở ra thời kỳ mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, đưa cách mạng miền Nam từ “*đánh cho Mỹ cút*” rồi sẽ tiến lên “*đánh cho ngụy nhào*” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

Hiệp định Paris là kết quả và đỉnh cao của 18 năm chống Mỹ, cứu nước (1954-1973) (1). Sau những năm tháng chiến đấu gian khổ, đổ máu hy sinh, nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hiệp định trên đã tạo thế và lực phát triển thuận lợi chưa từng có cho cách mạng miền Nam.

Tuy nhiên, dù đã rút quân khỏi chiến trường miền Nam, nhưng Hoa Kỳ vẫn tăng cường viện trợ cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, nhất là trong năm 1973. Chính vì vậy, chính quyền và quân đội Sài Gòn vẫn

còn khá mạnh, thậm chí một số điểm còn vượt trội hơn lực lượng kháng chiến.

Trong hai năm 1973-1974, lấy lý do được phép thay vũ khí (Hiệp định Paris quy định), Hoa Kỳ đã nhanh chóng tái trang bị nhiều vũ khí hiện đại cho quân Sài Gòn. Do đó, tiềm lực quân sự của quân đội Việt Nam Cộng hòa còn khá lớn: gần 1.600 pháo các loại, 2.074 xe tăng, 1.161 tàu chiến, 2 triệu tấn vật tư chiến tranh, 700.000 tấn phương tiện chiến tranh (2), quân Sài Gòn có khoảng 1 triệu lính, đây là một trong những đội quân đông đảo bậc nhất thế giới vào thời điểm này. Cao Văn Viên, nguyên Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng quân lực Việt Nam Cộng hòa cho rằng trước khi sự kiện Buôn Ma Thuột bùng nổ, quân đội Sài Gòn có 996.000 người (3). Trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày thống nhất đất nước, trong bài phát biểu của mình, Chủ tịch nước Lê Đức Anh cho biết rằng trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, tổng số quân ngụy có 1,1 triệu tên (4).

Quân đội Sài Gòn không chỉ đông đảo về số lượng mà các quân, binh chủng còn được trang bị rất hiện đại. Đặc biệt, lực lượng không quân với nhiều chủng loại máy bay. Tổng số không lực của Việt Nam Cộng hòa có 6 sư đoàn không quân hỗn hợp với 66 phi

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

đoàn, tổng số 6 vạn quân, gần 2.000 máy bay, khoảng 7.000 người làm nhiệm vụ tổ lái (5). Lực lượng không quân của quân đội Sài Gòn khi đó được xếp loại mạnh nhất so với lực lượng không quân của các nước châu Á.

Một thế mạnh khác của chính quyền Sài Gòn là kiểm soát vùng đất rộng lớn, với dân số đông. Theo số liệu từ các báo cáo trong sách *Tổng kết kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam* đã chỉ ra rằng, đến khoảng giữa năm 1973, chính quyền Sài Gòn kiểm soát hầu hết các vùng đô thị, đồng bằng đông dân, nơi có các trục giao thông chiến lược với 11.430 ấp, hơn 19 triệu người (6), chiếm khoảng 90% dân số toàn miền Nam (7).

Tuy nhiên, những điểm mạnh trên của chính quyền Sài Gòn chỉ duy trì được trong một thời gian ngắn bởi do được kế thừa tiềm năng quân sự còn sót lại của quân đội Hoa Kỳ trên chiến trường miền Nam. Ngược lại, sau Hiệp định Paris, thế và lực của lực lượng kháng chiến được củng cố, phát triển chưa từng có. Sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam trong thời gian này thể hiện trên mấy điểm sau:

Một là, lực lượng vũ trang cách mạng ở chiến trường được tăng cường nhanh chóng, cả về số lượng và chất lượng. Trong 2 năm (1973-1974) hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc đã bổ sung vào chiến trường miền Nam (8). Vì thế, dù quân Sài Gòn còn khoảng 1 triệu người, nhưng với quân số được tăng viện từ miền Bắc vào đã làm thay đổi tương quan lực lượng giữa hai bên trên chiến trường, riêng khối chủ lực có tỷ lệ xấp xỉ ngang nhau (9).

Song song với tăng cường về mặt số lượng, việc nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang cách mạng được chú trọng thông qua xây dựng các quân đoàn hùng mạnh. Tính đến năm 1974, lực lượng vũ trang

cách mạng đã lập 3 quân đoàn (mỗi quân đoàn có từ 3 đến 4 sư đoàn (10)) cùng với nhiều sư đoàn độc lập (11), đây chính là bước phát triển mới của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam. Nhưng sức mạnh của đội quân này không chỉ là phép cộng thuận tủy từ sức chiến đấu của các sư đoàn mà còn là sự thay đổi về chất của bộ đội chủ lực. Sức mạnh đó là quả đấm thép đủ sức nghiền nát chủ lực đối phương như nó đã thể hiện ở thời gian sau.

Hai là, các mặt trận (B1, B2, B3, B4, B5) đã xây dựng được mạng lưới đường chiến lược, chiến dịch kết nối các chiến trường với nhau. Hệ thống đường chiến lược, chiến dịch nối từ đường Hồ Chí Minh thông với các mặt trận ở miền Nam đã được xây dựng trong những năm 1973-1974. Đến đầu năm 1975, đường Trường Sơn đã dài 20.000 km, có 6 trục dọc, 13 trục ngang, nên bộ đội từ hậu phương vào Nam chỉ mất độ vài tuần (12). Cũng trong thời gian này, hệ thống đường xăng dầu dài 1.700 km, nối trực tiếp từ miền Bắc vào tận Đông Nam Bộ được xây dựng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời cho lực lượng cơ giới khi tác chiến ở chiến trường xa (13).

Ba là, từ giữa năm 1973, sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), Quân giải phóng nhanh chóng đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch. Đầu năm 1974, bộ đội tiến đánh vào các sào huyệt nơi địch xua quân lấn chiếm vùng giải phóng. Với chiến thắng Thượng Đức, Minh Long, Giá Vực đã giúp cho hàng loạt *lõm căn cứ*, vùng giải phóng mới được củng cố, tạo chỗ đứng chân cho bộ đội chủ lực giải phóng, để từ đó áp sát, khống chế hoạt động của địch. Đến cuối năm 1974, cách mạng miền Nam đã thiết kế xong chiến trường, bày xong thế trận tiến lên “*đánh cho ngụy nhào*”.

Trên đại thể, đến cuối năm 1974, quân và dân ở miền Nam đã căn bản hoàn thiện thiết kế chiến trường, cài thế mọi mặt để đủ sức, sẵn sàng đánh thắng địch ở trận chiến cuối cùng. Ngày 10-3-1975, Quân giải phóng tiến đánh Buôn Ma Thuột. Chỉ trong vài ngày, Thị xã Buôn Ma Thuột đã hoàn toàn giải phóng, thừa thắng xông lên, quân đội ta đã đập tan cuộc phản kích của địch, tiến lên truy kích, nhanh chóng diệt gọn toàn bộ lực lượng địch, giành thắng lợi trong chiến dịch Tây Nguyên.

2. Một số ý kiến về mặt trận Buôn Ma Thuột

2.1. Trận Buôn Ma Thuột - trận mở màn chiến lược

Tây Nguyên là địa bàn đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về quân sự đối với cả miền Nam. Chiến dịch Tây Nguyên là chiến dịch mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1975; trong đó, trận Buôn Ma Thuột là trận mở đầu, có tính chất then chốt quyết định trực tiếp đối với chiến dịch Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975. Ở chiến trường Tây Nguyên, Thị xã Buôn Ma Thuột là nơi đặt căn cứ Sở chỉ huy Sư đoàn 23 quân đội Sài Gòn và là tỉnh lỵ của Đắk Lắk; khu vực này nằm ở ngã ba chiến lược, có đường số 21 nối liền Nha Trang và đường số 14, phía Bắc đi Cheo Reo và Pleiku, phía Nam đi Gia Nghĩa và miền Đông Nam Bộ. Giải phóng Buôn Ma Thuột, lực lượng vũ trang cách mạng sẽ nắm được địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng để phát triển về mọi hướng, chia cắt Tây Nguyên với các vùng khác, chế ngự được đối phương, giành quyền chủ động cao hơn trên chiến trường.

Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tấn công đầu tiên trong Kế hoạch chiến lược cơ bản đã được Bộ Chính trị và Quân ủy

Trung ương duyệt. Để đảm bảo cho chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh đã cử những cán bộ: Văn Tiến Dũng, Đinh Đức Thiện, Lê Ngọc Hiền... vào chỉ đạo chiến trường miền Nam.

Trên cơ sở quyết tâm và kế hoạch tác chiến của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, từ ngày 17 đến ngày 19-2-1975, Bộ Tư lệnh chiến dịch họp mở rộng, thảo luận kỹ về so sánh lực lượng, về bố trí thế trận và cách đánh. Hội nghị quyết định tập trung lực lượng mạnh, chủ yếu vào Buôn Ma Thuột, Đức Lập, Thuận Mẫn, trong đó, mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột. Sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, quân giải phóng tiếp tục phát triển, tiến công tiêu diệt địch, giải phóng Cheo Reo, Gia Nghĩa và các chi khu, trong các tỉnh Tây Nguyên với Đắk Lắk là trọng điểm. Hội nghị cũng thống nhất cách đánh chiến dịch khu, quận lỵ, bí mật triển khai lực lượng, cắt đường 19, 14, 21 ngăn chặn lực lượng ứng cứu của quân đội Sài Gòn; đánh Đức Lập và Thuận Mẫn để kéo đối phương tại Buôn Ma Thuột ra tiêu diệt, làm cho Buôn Ma Thuột sơ hở, cô lập, từ đó dùng lực lượng binh chủng hợp thành tiến công, giải phóng Buôn Ma Thuột. Bộ Tư lệnh chiến dịch đã dự kiến kế hoạch tác chiến theo hai phương án: *Một là*, đánh địch khi chúng chưa tăng cường phòng ngự dự phòng; *Hai là*, địch đã tăng cường phòng ngự (14).

Ngày 1-3-1975, Sư đoàn 968 đã sử dụng pháo binh bắn vào Thị xã Pleiku, dùng lực lượng bộ binh tiến đánh các vị trí Chốt Mỹ, Đồn Tâm của địch trên đường số 19, đánh chiếm dãy Chư Ka Ra, Chư Gôi... uy hiếp quận lỵ Thanh Bình, Thanh An. Ở hướng Kon Tum, lực lượng cách mạng tiến hành các trận đánh nhỏ; làm đường, làm trận địa pháo, huy động dân công rầm rộ. Từ ngày 4-3-1975, quân, dân Tây Nguyên đã tiến

công và nổi dậy tiêu diệt các vị trí bảo vệ giao thông, cắt đứt các đường số 14 và 19, cô lập Pleiku, Kon Tum, đồng thời bao vây, uy hiếp các căn cứ quan trọng này. Bằng cách đánh nghi binh, Quân giải phóng đã kéo sự chú ý của quân đội Việt Nam Cộng hòa về hướng Pleiku, buộc họ phải bị động điều phần lớn lực lượng sư đoàn bộ số 22 từ Bình Định lên và các liên đoàn quân biệt động, bảo an, lực lượng thiết giáp từ Pleiku xuống, cố giải tỏa con đường số 19, con đường huyết mạch nối liền Tây Nguyên với đồng bằng. Ngoài ra, quân đội Sài Gòn còn huy động thêm một trung đoàn của Sư đoàn bộ binh số 23 từ Buôn Ma Thuột tăng viện cho Pleiku (15).

Phát hiện quân đội của Nguyễn Văn Thiệu đã hoàn toàn bị đánh lạc hướng, cùng ngày 4-3-1975, Quân giải phóng nổ súng mở màn chiến dịch Tây Nguyên. Từ ngày 4 đến ngày 9-3-1975, phía lực lượng cách mạng đã tạo nên thế chiến dịch thành công, đánh chiếm các đường giao thông chia cắt Tây Nguyên với đồng bằng, chia cắt phía nam với phía bắc Tây Nguyên, bí mật bao vây, cô lập hoàn toàn Thị xã Buôn Ma Thuột và nghi binh lừa địch tạo thế đánh Pleiku. Khi Quân giải phóng tiêu diệt quận lỵ Đức Lập, quân đội Việt Nam Cộng hòa vẫn định ninh phía ta đánh để mở thông đường số 14 vào Nam Bộ và họ vẫn tập trung đối phó với hướng nghi binh ở Pleiku.

1 giờ 35 phút sáng ngày 10-3-1975, trận tiến công chiến lược vào Thị xã Buôn Ma Thuột đã diễn ra trong sự ngỡ ngàng của quân đội Sài Gòn khiến họ không kịp trở tay. Ngày 11-3-1975, cuộc tiến công vào mục tiêu then chốt quyết định của chiến dịch toàn thắng. Thị xã Buôn Ma Thuột với 96.000 dân hoàn toàn được giải phóng (16). Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Quân giải phóng miền Nam liên tiếp đánh bại các đợt phản kích của quân đội Sài Gòn, giành thắng lợi trong đợt

truy kích cuộc rút chạy của chúng trên đường số 7 (24-3), kết thúc thắng lợi hoàn toàn của Chiến dịch Tây Nguyên.

2.2. Ý kiến về vai trò của mặt trận Buôn Ma Thuột đối với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975

Vào đầu năm 1975, quân đội Sài Gòn bố phòng theo thế mạnh hai ở đầu, tập trung quân tại mặt trận Trị Thiên - Huế (*vùng 1*) và Đông Nam Bộ (*vùng 3*). Trong khi đó ở *Vùng 2 và Vùng 4* chiến thuật, lực lượng hơi mỏng. Tại *Vùng 2*, địa bàn Tây Nguyên, Nguyễn Văn Thiệu bố trí phòng thủ yếu nhất. Trong khi đó, Tây Nguyên-mái nhà của Đông Dương, nếu bên nào làm chủ được địa bàn này sẽ có vị thế chiến lược vô cùng lợi hại. Mặc dù có một số ý kiến cho rằng Quân giải phóng sẽ tiến công Tây Nguyên nhưng tướng tá Sài Gòn cũng như Nguyễn Văn Thiệu chưa liệu hết tình thế và càng không nghĩ rằng đối phương sẽ đánh Buôn Ma Thuột nên đã không thay đổi thế bố trí chiến lược. Theo nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko, dù hệ thống tình báo của quân lực Việt Nam Cộng hòa nhận định đối phương sẽ tiến công vào Buôn Ma Thuột, nhưng viên tư lệnh *Vùng 2 chiến thuật* lại cho rằng mục tiêu của Việt cộng là đánh Pleiku nên đã dồn lực bố trí canh giữ mặt trận này (17).

Trước khi chiến sự ở mặt trận Buôn Ma Thuột bùng nổ, Quân giải phóng đã cài thế, nghi binh khắp nơi khiến cho chính quyền Sài Gòn vô cùng lúng túng trong việc điều quân, giữ đất trên bốn vùng chiến thuật. Nguyễn Văn Thiệu dự tính trong năm 1975, Việt cộng sẽ tiến công nhưng không biết chiến sự sẽ diễn ra ở thời điểm nào cũng như ở mặt trận nào. Ngay cả khi đã thất thủ ở Phước Long, Nguyễn Văn Thiệu vẫn cho rằng Việt cộng có thể đánh lớn hơn năm 1974 nhưng không thể có quy mô bằng năm 1968 và năm 1972. Thậm chí

chính quyền Sài Gòn còn cho rằng quân giải phóng sẽ không thể đánh chiếm các thành phố lớn, nếu có đánh chiếm cũng không giữ được (18).

Nhưng có nhiều ý kiến đánh giá cục diện chiến tranh khác Nguyễn Văn Thiệu. Ted Serong, một viên tướng Úc - người được so sánh như Edward Geary Lansdale của Nguyễn Văn Thiệu, là cố vấn cao cấp chống lật đổ (*counterinsurgency*) của chính quyền Sài Gòn đã nhận thấy thế bị động của quân đội Sài Gòn trên 4 vùng chiến thuật khi Hoa Kỳ cắt viện trợ, không muốn dính líu đến chiến cuộc ở Việt Nam như trước. Đầu năm 1975, Ted Serong đã tư vấn cho Nguyễn Văn Thiệu nên thực hiện cuộc giải phẫu, cắt bỏ *Vùng chiến thuật 1 và 2* (19), tập trung quân về giữ vùng 3 và 4 trước khi Buôn Ma Thuột

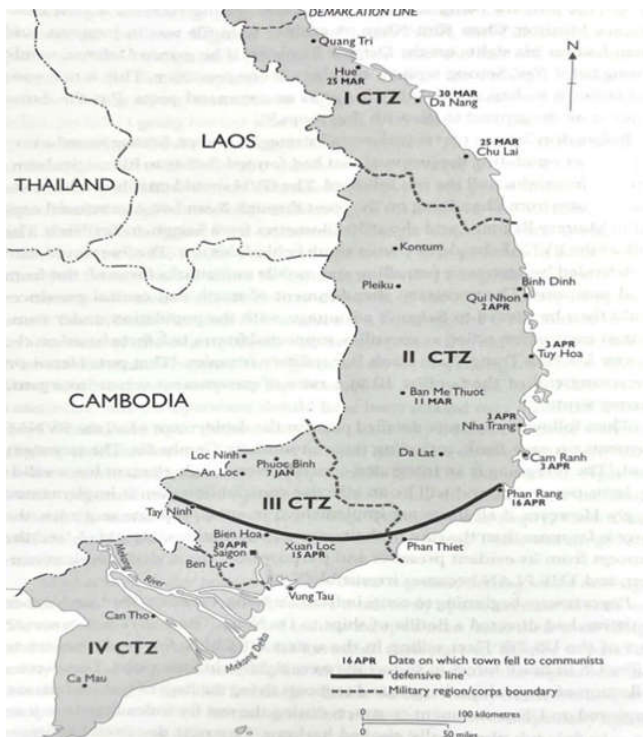
thất thủ (20). Sau đó, cuối tháng 3-1975, Ted Serong đề xuất với Nguyễn Văn Thiệu nên đưa quân từ Vùng 1 và 2 về tập trung bảo vệ vòng cung từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh (21).

Nguyễn Văn Thiệu đã có suy tư về ý kiến của Ted Serong bởi viên tướng này có hiểu biết sâu sắc về tình hình chiến sự và thế lực các bên trên chiến trường miền Nam nhưng lại chưa chấp nhận ý kiến trên. Chính quyền Sài Gòn không muốn tiến hành cuộc giải phẫu/cắt đất đúng vào giữa tháng 2 như Ted Serong đề xuất (22).

Tuy nhiên, tình thế chiến trường đã buộc chính quyền Sài Gòn phải cân nhắc lại. Đầu tháng 3-1975, Bộ trưởng thông tin của chính quyền Sài Gòn là Ngô Khắc Tính tìm gặp Ted Serong và lập tức chuyển lời của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu rằng Sài Gòn mong muốn nghe ý kiến của Ted Serong về *cuộc giải phẫu* đã nói ở trên. Nhưng Serong nói với ông ấy rằng: “hãy về bảo ông ta (Thiệu) rằng chiến tranh đã kết thúc rồi, đã kết thúc từ 3 tuần trước” (23). Chỉ sau cuộc gặp này 48 tiếng, Sư đoàn 320 Quân giải phóng tiến công Buôn Ma Thuột, thủ phủ của Tây Nguyên (24).

Khi chính quyền Sài Gòn đang tính toán, cân nhắc thì mấy vạn Quân giải phóng đã bủa lưới mặt trận Buôn Ma Thuột - Tây Nguyên. Tình báo Sài Gòn không phát hiện ra hành tung của các sư đoàn chủ lực Quân giải phóng với hàng vạn bộ đội (25) đang cài thế trận ở cao nguyên Trung phần, chuẩn bị cho trận đánh

Sơ đồ tuyến phòng thủ vòng cung từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh do Ted Serong đề xuất vào cuối tháng 3 năm 1975



Nguồn: Anne Blair, *Ted Serong, The Life of an Australian Counter-insurgency Expert*, Oxford New York, University Press, Australia, 2002, tr.162.

mở màn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975. Thế bố trí chiến lược của Quân giải phóng ở đây buộc quân đội Sài Gòn khó có thể ứng cứu Buôn Ma Thuật.

Vào thời điểm chính quyền Nguyễn Văn Thiệu nhận được tin Quân giải phóng tiến công dồn dập hậu cứ sư đoàn 23 ở Buôn Ma Thuật thì các đơn vị đồn trú trong thị xã đã tan tác. Dù vậy trong thời gian đầu thất thủ, Nguyễn Văn Thiệu vẫn còn chủ quan, cho rằng dù Buôn Ma Thuật bị các sư đoàn Bắc Việt tràn ngập nhưng thất bại trên không phải là sự sụp đổ hoàn toàn do đây chỉ là một địa bàn nhỏ nên không có gì hoảng loạn (no panic). Trước đây khi Huế bị tiến công (Xuân năm 1968) và Quảng Trị (năm 1972) quân Sài Gòn vẫn tái chiếm được các địa bàn này (26).

Khoảng một tháng sau khi Buôn Ma Thuật thất thủ, Nguyễn Văn Thiệu biết chắc Hoa Kỳ không còn can thiệp vào chiến trường Việt Nam đã khiến ông ta, thậm chí trở thành kẻ mất hồn (*Lost soul*) như Bùi Diễm miêu tả (27). Cả Nguyễn Văn Thiệu và Đại sứ Graham Martin tâm trí không còn tập trung và tự tách biệt khỏi cộng đồng (*Incommunicado*) (28).

Trận đánh Phước Long cuối năm 1974 đầu năm 1975 cho thấy sự thay đổi lớn về thế và lực của các bên trên chiến trường miền Nam. Theo đánh giá của Gabriel Kolko, sử gia có nhiều công trình nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam cho rằng, khi Phước Long thất thủ đã cho thấy chế độ Sài Gòn suy yếu hơn nhiều so với Hà Nội (29). Nhưng đến Buôn Ma Thuật thì tình thế trên trở nên hiển nhiên hơn.

Ngược lại, từ bên kia chiến tuyến, với chiến thắng ở Buôn Ma Thuật, cách mạng miền Nam đã khuếch trương chiến quả. Sự kiện lịch sử này có vị thế như lá bài

Domino, Buôn Ma Thuật trở thành điểm mở đầu để Quân giải phóng đẩy quân Sài Gòn từ thất bại ở Tây Nguyên đến thất bại trên nhiều mặt trận khác; chiến thắng này đã làm biến dạng toàn bộ thế trận chiến lược của địch ở khắp miền Nam (30) dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ Việt Nam Cộng hòa.

Khi phân tích chiến thắng của Quân giải phóng trong trận đánh ở Buôn Ma Thuật, Đại tướng Lê Đức Anh cho rằng trận chiến này đã nối tiếp chiến thắng Phước Long. Từ sau 2 sự kiện lịch sử này, lực lượng vũ trang cách mạng không còn lấy yếu thắng mạnh mà lấy mạnh thắng mạnh, lấy nhiều đánh nhiều (31).

Nhật báo *Le Monde*, một tờ báo thường xuyên cập nhật thông tin về chiến sự ở Việt Nam, số ra ngày 24-3-1975, đánh giá rằng: Chỉ cần một trận đánh - trận Ban Mê Thuật (Buôn Ma Thuật) nhưng thành trì kiên cố của Việt Nam Cộng hòa đã sụp đổ không mấy vể vang... trận Buôn Ma Thuật như là một khúc quanh trong cuộc tranh chấp kéo dài 30 năm qua (32).

Dù có nhận thức muộn hơn về tầm vóc của sự kiện Buôn Ma Thuật nhưng rốt cuộc Nguyễn Văn Thiệu cũng phải trải lòng cay đắng về trận chiến này. Trong buổi nói chuyện cuối cùng để từ chức ngày 21-4-1975, Nguyễn Văn Thiệu đã thú nhận: Chúng ta (Sài Gòn) phải tính chuyện khi mất Buôn Ma Thuật vì không còn viện trợ, chúng tôi có hỏi quân đội có giữ được Kon Tum và Pleiku không, quân đội nói không giữ được... [từ đó] Một số căn cứ tỉnh lỵ bị tràn ngập... chúng ta cứ ngồi chờ viện trợ Hoa Kỳ [mà không có], thì đến một hồi sẽ mất hết, tay chân bủn rủn, các tỉnh lỵ, các thành phố, các quận lỵ bủn rủn, thì cái đầu cũng mất... (33) (cái đầu ở đây theo ý của Nguyễn Văn Thiệu chính là Sài Gòn).

3. Lời kết

Thắng lợi trong trận Buôn Ma Thuột của Quân giải phóng miền Nam đánh dấu bước phát triển mới về nghệ thuật quân sự: chọn đúng mục tiêu, nghi binh khéo léo, cách đánh sáng tạo của hiệp đồng binh chủng tại địa hình rừng núi đã tạo thế chia cắt, bất ngờ cho lực lượng đối phương. Chiến thắng Buôn Ma Thuột đã làm đảo lộn thế trận phòng ngự của quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Tây Nguyên, buộc chúng phải rút bỏ Kon Tum và Pleiku, tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng phát triển, tiến công giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và một số tỉnh ở duyên hải Nam Trung Bộ. Cũng nhờ chiến thắng mở màn chiến lược này đã mở ra bước ngoặt quyết định cho quân và dân miền Nam phát triển cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhìn lại sự thất bại của chính quyền và quân đội Sài Gòn ở mặt trận Buôn Ma Thuột nói riêng và toàn miền Nam nói chung trong mùa Xuân 1975, có một vấn đề đặt ra là phải chăng sự sụp đổ nhanh

chóng này xuất phát từ một đội quân yếu kém về trang bị vũ khí và cả chỉ huy?

Trên thực tế, trước khi thất bại tại mặt trận Buôn Ma Thuột, quân đội Việt Nam Cộng hòa còn khá mạnh với số lượng đông đảo, trang bị hiện đại. Rất nhiều tướng tá của quân đội Sài Gòn được đào tạo bài bản và nhiều người có kinh nghiệm chỉ huy chiến đấu. Tuy vậy, chính quyền và quân đội Sài Gòn đã thất bại thảm hại trước Quân giải phóng, bởi đối tượng của họ là đội quân cách mạng, đội quân của chiến tranh nhân dân vô địch, biết đánh và biết thắng mọi kẻ thù. Chính bản lĩnh chiến đấu, sáng tạo và kiên cường của tướng lĩnh, chiến sĩ quân đội cách mạng là một yếu tố căn bản đánh bại đội quân Sài Gòn - đội quân khá hiện đại, từng tồn tại dưới ô bảo trợ của chính phủ Hoa Kỳ. Trong chiến lược tiến công cách mạng, việc chọn Buôn Ma Thuột làm điểm mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 chính là minh chứng về tài năng chỉ huy của tướng lĩnh, ý chí chiến đấu kiên cường của chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam - bộ đội cụ Hồ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

CHÚ THÍCH

(1). Tính từ tháng 7-1954 đến tháng 1-1973.

(2), (6). Nguyễn Huy Thục, Nguyễn Duy Điệp, *Kế hoạch chiến lược tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - Khẳng định ý chí giải phóng miền Nam Thống nhất tổ quốc*, theo Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa Xuân 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 115.

(3). Cao Văn Viên: *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa*, Vietnam Bibliography, USA, 2003, tr. 79.

(4), (31). Lê Đức Anh, *Đường lối cách mạng của Đảng, tư tưởng nhân ái Hồ Chí Minh là nguồn gốc của chiến thắng trọn vẹn*, theo Bộ Quốc phòng, Ban Văn hóa tư tưởng Trung ương, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.43, 47.

(5). Phương Minh Hòa, *Lực lượng Phòng không - không quân trong đại thắng mùa Xuân 1975*, trích trong Bộ Quốc phòng, Ban tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa Xuân 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc*

và khát vọng hòa bình, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.163.

(7). Theo số liệu thống kê của Ủy ban Quốc gia dân số (Sài Gòn) trong *Hội thảo dân số từ 18-2-1974 đến 20-2-1974*, Sài Gòn, 1974, tr. 76 thì năm 1972 miền Nam có 19.373.000 người. Theo Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 1976*, Hà Nội, 1977, tr.197, năm 1977 miền Bắc có 23.374.000 người, ở miền Nam ít hơn khoảng nửa triệu người. Trung bình dân số miền Nam tăng hàng năm khoảng 200.000 người. Do đó năm 1973 miền Nam có khoảng 21 triệu người, trong đó 19 triệu người sống trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát. Do đó ước tình vùng giải phóng kiểm soát khoảng 10% và vùng Sài Gòn kiểm soát khoảng 90% tổng dân số miền Nam.

(8). Lực lượng tăng cường vào chiến trường thời gian này khoảng 30 vạn người. Có ý kiến cho rằng quân số bổ sung từ miền Nam vào chiến trường năm 1973 là 129.311 người, 1974 là 117.545 người, đầu năm 1975 lên 238.646 người. Dẫn theo Nguyễn Huy Thục, Nguyễn Duy Điệp, *Kế hoạch chiến lược tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - Khẳng định ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc*, trích trong Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa Xuân 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015, tr. 118.

Theo Hồ Khang trong cuốn *Đại thắng mùa Xuân 1975 bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 306, năm 1972 miền Bắc chi viện khoảng 153.000 người, đầu năm 1975 là 117.000.

(9). Tỷ lệ so sánh địch/ta trước kia là 2/1 thì khi Mỹ và đồng minh rút hết còn 1,8/1. Riêng khối chủ lực thì còn 1,1/1. Dẫn theo Đặng Vũ Hiệp, *Từ Buôn Ma Thuột đến chiến dịch Hồ Chí Minh*, trong tài liệu Bộ Quốc phòng, Ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương, *Đại thắng mùa Xuân 1975 bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 141.

(10). Ngày 24-10-1973, Quân đoàn 1, Binh đoàn Quyết thắng, một trong những quân đoàn chủ lực, cơ động, dự bị chiến lược của quân đội ta được thành lập; đánh dấu bước phát triển mới của Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu tác chiến, chiến lược của cách mạng miền Nam trong giai đoạn phát triển cao cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Quân đoàn có ba sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 308, 312, 320B. Các đơn vị binh chủng có Sư đoàn 367 phòng không, Lữ đoàn 202 xe tăng, Lữ đoàn 45 pháo binh, Lữ đoàn 299 công binh, Trung đoàn 240 thông tin. Quân đoàn 1 đóng quân trên địa bàn Thị trấn Tam Điệp, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình và nhanh chóng hành quân vào miền Nam trong tiến công năm 1975. Quân đoàn 2 mang tên Binh đoàn Hương Giang ở Trị-Thiên (17-5-1974), các đơn vị có ba sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 304, 325, 324; Sư đoàn 673 phòng không, Lữ đoàn 164 pháo binh, Lữ đoàn 203 xe tăng, Lữ đoàn 219 công binh, Trung đoàn 463 thông tin. Quân đoàn 4 mang tên Binh đoàn Cửu Long ở Đông Nam Bộ (20-7-1974), được thành lập ở vùng căn cứ miền Đông Nam Bộ. Quân đoàn có Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 bộ binh và các đơn vị binh chủng: Trung đoàn 24 pháo binh, Trung đoàn 71 phòng không, Trung đoàn 429 đặc công, ba tiểu đoàn thông tin...

(11). Quân đoàn 1 thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1973; Quân đoàn 2 thành lập ngày 17 tháng 5 năm 1974; Quân đoàn 4 thành lập ngày 20 tháng 7 năm 1974. Sang năm 1975, 2 quân đoàn khác ra đời (Đoàn 232 và Quân đoàn 3).

(12). Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập VIII, Toàn thắng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 207-208.

(13). Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập IV*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, tr. 413.

(14), (16). Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 11, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*,

Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.396-397, 406-408.

(15). Ủy ban Khoa học xã hội, Viện Sử học, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1945-1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.552.

(17). Gabriel Kolko, *Anatomy of a War, Vietnam, The United States, and The Modern History Experience*, New York, 1985, tr. 526.

(18). Đặng Vũ Hiệp, *Từ Buôn Ma Thuật đến chiến dịch Hồ Chí Minh*, theo Bộ Quốc phòng, Ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương, *Đại thắng mùa Xuân 1975 bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 145.

(19). Ted Seorong đề xuất *A time for Surgery*, dẫn theo Anne Blair, *Ted Serong, The Life of an Australian Counter- insurgency Expert*, Oxford New York, University Press, Australia, 2002, tr. 162.

(20), (21). Anne Blair, *Ted Serong, The Life of an Australian Counter- insurgency Expert*, Oxford New York, University Press, Australia, 2002, tr. 162.

(22). Tốt nhất cho Thiệu tiến hành việc cắt bỏ/bỏ đất, theo Ted Serong đúng lúc “*A time for Surgery*” là giữa tháng 2 năm 1975. Anne Blair, *There to the Bitter End Ted Serong in Vietnam*, Australia, 2001, tr. 217.

(23). Ý của Ted Serong là Sài Gòn đã quá chậm trễ và chắc chắn sẽ thất bại khi không biết bỏ đất để tổ chức lại phòng thủ vùng chiến lược sống còn (Vùng 3 và 4).

(24). Anne Blair, *There to the Bitter End Ted Serong in Vietnam*, Australia, 2001, tr. 219.

(25). Trong chiến dịch Tây Nguyên, 5 sư đoàn, 4 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn đặc công, 1 trung đoàn xe tăng, 2 trung đoàn pháo binh... đã được huy động, tổng số tham gia chiến dịch có 65.141 người. Dẫn theo Đâu Đình Toàn, *Nghị binh chiến lược nét nghệ thuật độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Tây Nguyên*, trong cuốn Bộ Quốc phòng, Ban tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa xuân 1975, sức mạnh*

của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2015, tr. 195.

(26). Bui Diem (Former South Vietnamese Ambassador to The United States), With David Chanoff, *In the Jaws of History*, Houghton Mifflin Company, Boston, U.S.A, 1987, tr. 4.

(27). Bùi Diêm viết: Tôi gặp Ted Shackley, Giám đốc CIA ở Đông Á, Shackley nói Sài Gòn đang nguy hiểm, Thiệu dường như người như mất hồn “lost soul” và lảm bảm “number” gì đó. Bui Diem (Former South Vietnamese Ambassador to The United States), with David Chanoff, *In the Jaws of History*, Houghton Mifflin Company, Boston, U.S.A, 1987, tr. 2.

(28). Bui Diem (Former South Vietnamese Ambassador to The United States), with David Chanoff, *In the Jaws of History*, Houghton Mifflin Company, Boston, U.S.A, 1987, tr. 4.

(29). Since Phuoc Long engagement had already proved that the RVNAF war weaker than many in Hanoi realized, Gabriel Kolko, *Anatomy of a War, Vietnam, The United States, and The Modern History Experience*, New York, 1985, tr. 519.

(30). Hoàng Minh Thảo, *Nghệ thuật quân sự trong tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, Bộ Quốc phòng, Ban Văn hóa tư tưởng Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.123.

(32). Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Về đại thắng mùa Xuân năm 1975, qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 207, 208.

(33). Việt Nam Thông tấn xã (Sài Gòn), số 8789, chiều thứ 3 (22-4-1975) tài liệu *bài nói chuyện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu về hiện tình đất nước tối 21-4-1975*. Dẫn lại Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Về đại thắng mùa Xuân năm 1975, qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 319.